

Số 231

# KINH THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

*Hán dịch: Đời Trần, Vương tử Nguyệt-bà-thủ-na,  
người nước Ưu-thiền-ni.*

## QUYỂN 1

### Phẩm 1: THÔNG ĐẠT

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành lớn Vương xá, cùng với đại chúng Tỳ-kheo bốn vạn hai ngàn người, đều là A-la-hán, các lậu hết hẳn, công hạnh đã mãn, đã bỏ gánh nặng, được tự lợi và đoạn hết kết sử, tâm hoàn toàn giải thoát, tự tại giống như bậc đại long; chỉ có A-nan còn trong địa vị hữu học với quả Tu-đà-hoàn.

Tên của các vị là Tịnh mạng A-nhã Kiều-trần-như, Ma-ha Ca-diếp, Kiều-phạm-ba-đề, Bạc-câu-la, Ly-bà-đa, Tất-lăng-già-bà-tha, Đại trí Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, A-ni-lâu-đà, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ưu-ba-ly, La-hầu-la..., bốn vạn hai ngàn người như vậy.

Bậc Đại Bồ-tát cũng có bảy vạn hai ngàn người đều đã thông suốt pháp tánh thâm sâu, khéo tùy thuận, hóa độ các loài một cách bình đẳng và là bạn lành tri thức của tất cả chúng sinh, được vô ngại Đà-la-ni, có thể truyền bá pháp luân không thoái chuyển, từng cúng dường vô lượng chư Phật, là bậc Nhất sinh bổ xứ của cõi Phật kia vì pháp mà đến đây tu tập; hộ trì pháp tạng không cho đoạn dứt hạt giống Tam bảo; là con Pháp vương sẽ truyền bá pháp luân của Phật, thấu rõ cảnh giới thâm sâu của Như Lai, tuy sống ở đời mà không bị pháp thế gian làm ô nhiễm.

Tên của các vị là Bồ-tát Bảo Tướng, Bồ-tát Bảo Ấn, Bồ-tát Bảo Chưởng, Bồ-tát Bảo Quan, Bồ-tát Bảo Kế, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Bảo Hải, Bồ-tát Bảo Diễm, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Kim Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Đức Tạng, Bồ-tát Tịnh Tạng, Bồ-tát Như Lai Tạng, Bồ-tát Trí Tạng, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Định Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Quán Nguyệt, Bồ-tát Phổ Âm, Bồ-tát Phổ Nhân, Bồ-tát Liên Hoa Nhân, Bồ-tát Quảng Nhân, Bồ-tát Phổ Hành, Bồ-tát Phổ Giới, Bồ-tát Trí Ý, Bồ-tát Liên Hoa Ý, Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát Thượng Ý, Bồ-tát Kim Cang Ý, Bồ-tát Sư Tử Du Hý, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Đại Âm Vương, Bồ-tát Diệu Âm, Bồ-tát Vô Nhiễm, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Nhật Quang, Bồ-tát Trí Quang, Bồ-tát Trí Đức, Bồ-tát Hiền Đức, Bồ-tát Hoa Đức, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Bồ-tát Bạt-đà-bà-la làm Thượng thủ cho mười sáu Hiền sĩ; Bồ-tát Di-lặc làm

thượng thủ cho hiền kiếp Bồ-tát; Tứ Thiên vương làm thượng thủ cho cõi trời Tứ thiên vương; Đế Thích làm thượng thủ cho cõi trời Tam thập tam, Tu-đà-ma vương làm thượng thủ cho chư Thiên Dạ-ma; Đâu-suất-đà vương làm thượng thủ cho cõi trời Đâu-suất-đà; Thiện Hóa vương làm thượng thủ cho cõi trời Hóa lạc; Tự Tại vương làm thượng thủ cho cõi trời Tha hóa tự tại; Đại Phạm vương làm thượng thủ cho các Phạm thiên, Ma-hê-thủ-la làm thượng thủ cho cõi trời Thủ-đà-bà-sa; lại có các A-tu-la vương, A-tu-la vương Sa-lợi, A-tu-la vương La-hầu..., vô lượng trăm ngàn các đại A-tu-la vương như vậy.

Lại có các Long vương, Long vương A-nậu Đại Trì, Long vương Ma-na-tư, Long vương Sa-già-bà, Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca mỗi vị đều đem theo vô lượng trăm ngàn quyến thuộc, đến kín hết núi Kỳ-xà-quật, bao quanh khắp bốn mươi do-tuần và trên hư không, không còn chỗ hở; Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... một lòng chấp tay cung kính Đức Như Lai.

Khi ấy, từ giữa hai chân mày, Đức Như Lai phóng ra một luồng hào quang lớn, chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới; lại trở về đến chỗ Phật, nhiều quanh bên hữu ba vòng, rồi thâu vào giữa hai chân mày. Cả trăm ngàn đại chúng, trước sau nhiều quanh Đức Thế Tôn, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi.

Phật bảo:

–Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Đông, có cõi Phật tên là Trang nghiêm, Đức Phật hiệu là Phổ Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Hiện đang ở đó nói chánh pháp Nhất thừa cho các Đại Bồ-tát; cõi Phật đó còn không có tên Thanh văn, Bích-chi-phật, huống nữa lại có người tu pháp ấy; các chúng Bồ-tát đều không thoái chuyển đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chúng sinh ở cõi ấy không dựa vào sự ăn uống mà chỉ nhờ vào thiền định; ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và sao đều không thể hiện, chỉ có hào quang của Đức Phật chiếu sáng cõi nước đó; không có các gò núi; đất đai bằng phẳng như lòng bàn tay.

Có một vị Bồ-tát tên là Ly Chướng cùng với trăm ngàn Bồ-tát đến chỗ Phật đó, trích bày vai hữu, quỳ gối hữu, chấp tay đánh lễ Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì có hào quang như vậy chiếu sáng cõi nước này. Khi đó Đức Phật Phổ Quang Như Lai bảo Đại Bồ-tát Ly Chướng:

–Này thiện nam! Cách đây mười hằng hà sa thế giới, về phương Tây, có cõi Phật tên là Ta-bà, Đức Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn đang muốn nói Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật cho bậc Đại Bồ-tát; do nhân duyên đó, nên Đức Phật phóng ra hào quang này.

Khi ấy Bồ-tát Ly Chướng bạch Phật:

–Con đang muốn đến cõi Ta-bà đánh lễ, cung kính cúng dường Đức Thích-ca Như Lai để được nghe giảng chánh pháp.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Nay chính là lúc!

Bấy giờ Bồ-tát Ly Chướng được sự cho phép của Đức Phật, liền cùng với vô lượng Bồ-tát và quyến thuộc đến núi Kỳ-xà-quật, ở cõi Ta-bà đánh lễ sát chân Phật, nhiều quanh bên hữu ba vòng, rồi ngồi qua một bên. Phật dạy:

–Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Nam, có cõi Phật tên là Thanh tịnh

hoa, Đức Phật hiệu là Nhựt Quang đầy đủ mười danh hiệu, Bồ-tát tên Nhựt Tạng.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Tây, có cõi Phật tên là Bảo Hoa, Đức Phật hiệu là Công Đức Quang Minh, đầy đủ mười danh hiệu, Bồ-tát tên Công Đức Tạng.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Bắc, có cõi Phật tên là Thanh tịnh, Đức Phật hiệu là Tự Tại Vương, Bồ-tát tên là Quảng Văn.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Đông nam, có cõi Phật tên là Hỏa diệm, Đức Phật hiệu là Cam Lộ Vương, Bồ-tát tên Bất Thoái Chuyển.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Tây nam, có cõi Phật tên là Công đức thanh tịnh, Đức Phật hiệu là Trí Cự, Bồ-tát tên là Đại Tuệ.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Tây bắc, có cõi Phật tên là Duyệt ý, Đức Phật hiệu là Diệu Âm Vương, Bồ-tát tên là Công Đức Tự.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Đông bắc, có cõi Phật tên là Tuệ trang nghiêm, Đức Phật hiệu là Trí Thượng, Bồ-tát tên là Thường Hỷ.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Trên, có cõi Phật tên là Bất động, Đức Phật hiệu là Kim Cang Tướng, Bồ-tát tên là Bảo Tràng.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Dưới, có cõi Phật tên là Nguyệt quang minh, Đức Phật hiệu là Kim Cang Bảo Trang Nghiêm Vương. Bồ-tát tên là Bảo Tín.

Bấy giờ trong đại chúng có một vị Thiên vương tên là Bát-bà-la, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích bày vai hữu, quỳ gối hữu, chắp tay cúi đầu đánh lễ, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con nay muốn hỏi, nếu được Đức Thế Tôn cho phép con mới dám tỏ bày lòng nghi hoặc. Khi ấy Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri sẽ tùy theo chỗ nghi của ông hỏi mà giảng giải:

Thắng Thiên vương hơn hờ vui mừng được điều chưa từng có, liền bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao bậc Đại Bồ-tát tu học chỉ một pháp mà thông suốt được tất cả pháp?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Lành thay, lành thay! Câu hỏi rất hay, ông hãy lắng nghe suy nghĩ kỹ; với câu hỏi của đại vương, ta sẽ phân biệt, giải thích rõ.

–Lành thay, thưa Thế Tôn, con xin muốn nghe!

Đức Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát tu học một pháp mà thông suốt tất cả pháp, đó có nghĩa là Bát-nhã ba-la-mật. Bậc Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật thì có khả năng thông suốt được Bồ đề ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Tịch lự ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, Phương tiện thiện xảo ba-la-mật, Nguyên ba-la-mật, Lực ba-la-mật, Trí ba-la-mật.

Này đại vương! Vì sao Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật và thực hành Bồ đề ba-la-mật? Vì Đại Bồ-tát, với tâm thanh tịnh, không có điều mong cầu; nói pháp cho người khác mà không cầu danh lợi, chỉ mong làm cho họ hết khổ; không thấy mình nói mà cũng chẳng thấy có người nghe, tự tánh xa lìa nên không hai không khác; đó gọi là Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật và thực hành Bồ đề ba-la-mật.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thực hành Bồ đề ba-la-mật không sợ sệt, nên xem các chúng sinh như cha mẹ, anh em thân thiết, làm cho tất cả chúng đều thân cận, gần gũi nhau. Vì sao? Vì từ vô thủy đến nay, bị trôi lăn trong sáu đường nhưng đều là

những người thân thích của ta. Hoặc có chúng sinh ở nơi nguy hiểm sợ sệt, Đại Bồ-tát vẫn đem thân mạng này để cứu vớt cho họ thoát khỏi, chứ không phải gây thêm sợ hãi, không thấy ta bố thí vô úy; không thấy người nhận vì tự tánh xa lìa nên không hai, không khác.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bố thí ba-la-mật giúp đỡ chúng sinh; tùy theo chúng sinh cần vật lợi dưỡng gì, thì Đại Bồ-tát đều bố thí, làm cho họ thọ được mười điều thiện; cũng không thấy mình bố thí điều thiện và người khác nhận thí vì tự tánh xa lìa nên không hai, không khác.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật. Hành Bố thí ba-la-mật không mong cầu quả báo; hễ khi thực hành bố thí thì không mong cầu quả báo, bởi pháp của Bồ-tát là như vậy; tự mình thực hành bố thí mà không hề thấy mình bố thí và không nghĩ đến quả báo bố thí vì tự tánh xa lìa nên cũng không hai, không khác.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật với tâm đại Bi thực hành Bố thí ba-la-mật là thấy các chúng sinh nghèo cùng, già, bệnh, không người cứu giúp, nên sinh tâm đại Bi mà phát thệ nguyện: “Ta chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ làm nơi cho các chúng sinh trở về nương tựa, dùng ít căn lành để hồi hướng Bồ-đề, luôn vì chúng sinh nên không có phân biệt. Ta là người cứu độ và là người nhận cứu độ; tự tánh xa lìa, nên không hai không khác.”

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật với lòng cung kính thực hành Bố thí ba-la-mật là nên tùy theo nhu cầu của người khác. Đại Bồ-tát tự mình lấy vật trao cho họ, nhưng không làm cho tâm cung kính của họ mệt mỏi, không thấy mình được cung kính và không thấy sự cung kính của người khác, nên tự tánh xa lìa không hai không khác.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật với lòng tôn trọng thực hành Bố thí ba-la-mật, nghĩa là đối với chúng sinh đều phát khởi tưởng đó như là Sư tăng hay Cha mẹ, mà đem lòng tôn trọng, chấp tay cung kính, nếu không có của cải để bố thí thì bằng lời nói tốt đẹp; không thấy mình là người tôn trọng và không thấy người khác được trọng, nên tự tánh xa lìa không hai không khác.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật với lòng cúng dường thực hành Bố thí ba-la-mật, nghĩa là nếu thấy chùa tháp thì nên cúng dường hương hoa, đèn, dầu và lau chùi, hoặc thấy tôn tượng nứt bể, kinh điển rách nát thì nên sửa chữa tu bổ lại, nên cúng dường bốn việc cho chư Tăng; không thấy ta là người cúng dường và người nhận cúng dường, nên tự tánh xa lìa không hai không khác.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bố thí ba-la-mật không nương tựa, không suy nghĩ thế này: “Do việc bố thí này, nguyện được sinh lên cõi trời hoặc mong làm vua cõi trời, nguyện sinh làm người hoặc làm vua cõi người. Cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không mong giữ lấy vì vô sở đắc, cho nên gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thông suốt Bố thí ba-la-mật.”

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật nên thực hành Trì giới ba-la-mật và phải suy nghĩ như thế này: “Đức Phật dạy Ba-la-đề-mộc-xoa trong A-hàm và trong Luật tạng, Đại Bồ-tát nên học, không thấy tướng của giới và mình được trì giới, lại cũng không chấp vào giới, chẳng chấp thấy có giới và người trì giới.” Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật phải suy nghĩ như thế này: “Đạt được Chánh đẳng Chánh giác không chỉ trì giới mà được, mà phải nên học tất cả giới hạnh của Bồ-tát, vì tự tánh của giới thanh tịnh, vắng lặng, chẳng sanh, tự tánh xa lìa.”

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật phải suy nghĩ thế này: “Vì sao trì giới diệt được

phiền não? Vì ba thứ phiền não tham, sân, si lại chia làm ba bậc thượng, trung, hạ, cần phải biết cách đối trị. Người tham dục nhiều thì phải tu quán Bất tịnh, quán đầy đủ ba mươi sáu vật trong thân. Người nhiều sân hận thì phải tu quán Từ bi. Người nhiều ngu si thì phải tu quán Nhân duyên, không thấy pháp chủ thể quán và pháp đối tượng để quán vì tự tánh xa lìa, không hai không khác.”

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật phải suy nghĩ như vậy: “Vì sao Đại Bồ-tát xa lìa sự suy nghĩ không chân chánh? Vì Đại Bồ-tát không phát sinh tâm đó. Ta thực hành tịch tĩnh, thực hành xa lìa, thực hành không; các Sa-môn, Bà-la-môn khác ở trong ồn náo, không thích thực hành hạnh không, không thấy có hai, không có khác; biết tự tánh xa lìa, liền tiêu diệt tà niệm.”

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, tuy biết xa lìa các pháp mà cũng phải sợ nghiệp tội thâm sâu. Như lời Phật dạy: Nên giữ gìn Tịnh giới và tu tập các công đức cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Người ít thiện pháp hoặc không có thiện pháp thì không nên ở chung.

Đức Thế Tôn dạy:

–Giống như thuốc độc nhiều hay ít đều tai hại. Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thường sinh lòng lo sợ tin tưởng và thực hành hợp nhau. Đại Bồ-tát ở những nơi trống vắng, đi bộ một mình, không có bạn; nếu có Sa-môn, Bà-la-môn..., đem vàng bạc, lưu ly, trân châu, mã não, hổ phách, san hô, xa cừ, bạch ngọc gởi thì Bồ-tát không phát sinh tâm tham trước, không có tâm giữ lấy mà phải suy nghĩ thế này: “Đức Thế Tôn dạy, thà rằng tự cắt thịt mình mà ăn nhưng đối với của cải của người khác không cho, thì không được lấy.”

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, trì giới phải vững chắc; nếu ma và quyến thuộc của ma đem hình sắc xinh đẹp đến thử thách Bồ-tát thì tâm của vị ấy không lay động mà phải suy nghĩ như thế này: “Đức Thế Tôn dạy, tất cả các pháp như mộng huyễn, vì tự tánh xa lìa không hai không khác.”

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật phải lo giữ gìn giới mà không mong cầu sinh làm người, làm trời hoặc làm vua cõi người cõi trời, thân lìa ba lỗi, miệng không còn bốn lỗi, ý khỏi ba tội; trì giới như vậy mà không thấy mình trì và không thấy giới tướng, tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thông suốt Trì giới ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, nghĩa là Đại Bồ-tát với thâm tâm phải thường phát sinh nhẫn nhục, vì thế lo buồn phiền não đều không còn, cũng học pháp nhẫn nhục ở ngoại duyên là khi người khác đánh đập chửi mắng Bồ-tát cũng không sinh giận hờn. Đó là pháp nhẫn phải học.

Như lời dạy của Thế Tôn, tánh chân thật rất là sâu xa, không có người, không có pháp và không sinh tịch tĩnh, đó gọi là Niết-bàn. Nghe nói như vậy tâm không lo sợ mà phải suy nghĩ như thế này: “Không học pháp đó thì làm sao có thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; quán sâu xa ba độc như thế thì tham, sân do nơi nào phát sinh; nhân duyên nào sinh và nhân duyên nào diệt; quán sát như thế thì không thấy pháp sinh và pháp được sinh; không thấy pháp diệt và pháp bị diệt; tâm nhẫn nhục liên tục như vậy không dứt; ở trong sáu thời không có xen hở, không kịp chọn cảnh giới. Từ cha mẹ cho đến quốc vương, ta đều phải tu nhẫn nhục; ngoài ra nếu người khác dùng oai lực gây hại thì Bồ-tát thực hành nhẫn nhục, thì nên đền đáp lại bằng ân đức, mà không vì việc danh lợi, nhân nghĩa, xấu hổ, sợ sệt..

Đại Bồ-tát hành nhẫn nhục, nghĩa là nếu có người đánh đập, chửi mắng, hãm hại rất thậm tệ nhưng tâm của Bồ-tát vẫn không lay động. Đại Bồ-tát nếu làm quốc vương, làm vua..., mà có người nghèo cùng chửi mắng, nhục mạ thì không cho rằng mình có uy quyền của pháp vương ra lệnh trừng trị mà phải suy nghĩ như thế này: “Ta từ xưa ở trước các Đức Thế Tôn thường phát đại thệ nguyện: Đối với tất cả chúng sinh, con đều cứu độ ra khỏi bể khổ, làm cho chúng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay nếu sinh giận hờn thì trái với thệ nguyện. Giống như thầy thuốc phát thệ nguyện như thế này: Ở thế gian nếu có bệnh mù thì ta đều chữa hết, nhưng nếu mình cũng mù thì đâu chữa được bệnh cho người khác. Như vậy Bồ-tát muốn diệt trừ vô minh mê mờ cho chúng sinh mà từ khởi tâm sân hận thì đâu thể cứu giúp được họ.” Cho nên không thấy mình nhẫn và người kia được mình nhẫn nên tự tánh xa lìa không hai, cũng không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật đạt được Nhẫn nhục độ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật khi thực hành Tinh tấn ba-la-mật phải nên hiểu chưa diệt làm cho diệt, chưa độ làm cho độ, chưa giải thoát làm cho giải thoát, chưa an ổn làm cho được an ổn, chưa hiểu biết làm cho được hiểu biết; Bồ-tát khi thực hành tinh tấn như vậy, sẽ có ác ma làm trở ngại, nói với Bồ-tát rằng:

–Này thiện nam! Chớ tu pháp này, chịu khó uống công. Vì sao? Vì ta khi xưa từng tu pháp này, do chưa diệt làm cho diệt, chưa độ làm cho độ, chưa giải thoát làm cho giải thoát, chưa an ổn làm cho được an ổn, chưa giác ngộ làm cho giác ngộ; chịu khó uống công như vậy không được lợi ích gì. Ta từ xưa đến nay đã thấy nhiều Bồ-tát tu học hạnh này đều thoái chuyển; ông hãy hồi tâm lại, giữ lấy thừa Thanh văn hay Bích-chi-phật mà tự diệt độ.” Đại Bồ-tát liền hiểu biết ngay nên bảo ác ma, các người hãy đi đi, tâm ta như kim cương, người chẳng thể phá hoại, nếu người làm trở ngại thì tự chuốc lấy tội khổ lâu dài; nghe vậy mà liền biến mất.

Nếu Bồ-tát nào, tu năm pháp Ba-la-mật mà chưa đắc được Bát-nhã ba-la-mật thì Đại Bồ-tát hành tinh tấn như vậy giả sử trải qua cả trăm ngàn kiếp cũng có thể vượt qua, huống nữa là thừa Thanh văn, Bích-chi-phật.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thành tựu được pháp của Phật nên các ác đều xa lìa, do vậy khi thực hành tinh tấn không vội vàng, cũng không chậm chạp phải phát thệ nguyện:

–Làm sao cho thân ta được như thân của Đức Thế Tôn; với lông trắng giữa hai chân mày, trên đầu có nhục kế; Phật chuyển pháp luân ta cũng như vậy. Cũng như vàng ròng và các thứ báu tốt như ngọc dùng làm đồ trang hoàng thời có thể làm cho vật được nghiêm tịnh hơn. Bồ-tát hành tinh tấn cũng như vậy phải xa lìa cấu uế. Đó là sự lười biếng, buông lung và mỗi một suy nghĩ bất chính tự chẳng hay biết. Lìa được các cấu uế này, liền được công đức, trí tuệ thanh tịnh và cùng với sự trang nghiêm sẽ làm cho thân không mỗi một, tâm không nhàm chán, buông lung; tất cả các pháp ác và bất thiện làm trở ngại Thánh đạo đều tiêu diệt, các pháp trợ đạo hướng đến Niết-bàn lại được tăng trưởng, vì thế chút ít việc ác còn không thể có, huống gì phát sinh nhiều điều ác. Giả sử mười phương hằng hà sa số mà trong đó đầy khắp lửa dữ như A-tỳ ngục. Nếu như ngoài thế giới này có một chúng sinh cần phải cứu độ, Đại Bồ-tát cũng không thể bỏ huống nữa là nhiều chúng sinh đang ở trong A-tỳ ngục. Phải suy nghĩ thế này: “Vô thượng Chánh giác không dễ chứng, Bồ-tát tu hành như cứu lửa cháy đầu, nên phải gánh vác; dù gánh nặng khó gánh đến trăm ngàn kiếp” và phải suy nghĩ như thế này: “Quá khứ, hiện tại chư Phật đều tu hạnh này mà thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác, ta cũng nên tu tập chân chánh như vậy, thà trăm ngàn kiếp ở trong địa ngục để cứu độ chúng sinh, chớ hoàn toàn không lãng quên mà vội chứng Niết-bàn. Tinh tấn như thế thì tâm không tự cao đối với người không tinh tấn như mình; không thấy mình thực hành và pháp để thực hành, nên tự tách xa lìa không hai không khác”; đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thông suốt được Tinh tấn độ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thực hành Thiên định ba-la-mật là gieo trồng những căn lành sâu xa đối với giáo pháp Đại thừa, đời đời tu tập diệu hạnh, gần gũi Thiện tri thức, không sinh nhà nghèo khổ, thường sinh vào các dòng họ lớn như Bà-la-môn, Sát-đế-lợi; lòng tin chân chánh đối với Tam bảo nên pháp lành được tăng trưởng và nhân nơi túc mạng, căn lành mà phải suy nghĩ như vậy: “Chúng sinh bởi do tham ái nên luân hồi mãi trong sáu đường, chịu đau khổ tiếp nhau không dứt; còn Đại Bồ-tát thì sinh tâm nhàm chán xa lìa vì biết nó từ giả dối, phân biệt mà có.”

Trong kinh điển thường dùng mọi phương tiện để nói tai họa nguy hiểm của dục như giáo, như đao, như rắn, như bọt nước, xấu dở không thanh tịnh, vô thường; người trí vì sao lại tham đắm pháp này? Nên cạo bỏ râu tóc xuất gia tu đạo. Chưa thấy làm cho thấy, chưa được làm cho được, chưa chứng làm cho chứng, nghe nói liền thọ trì hoặc là Thế tục đế hay Đệ nhất nghĩa đế, tu hành chân thật đúng như pháp đã quán sát, đó mới là chánh kiến; phân biệt chân chánh, tinh tấn chân chánh, nói năng chân chánh, việc làm chân chánh, đời sống chân chánh, nhớ nghĩ chân chánh, thiên định chân chánh, xa lìa chỗ ồn ào, không cầu danh tiếng. Cung kính cúng dường, thâm tâm tinh tấn luôn luôn không dừng nghĩ và nên suy nghĩ tâm này nên thực hành cảnh giới nào, hoặc thiện, hoặc ác, hoặc cảnh giới vô ký.

Nếu thực hành cảnh giới thiện, siêng năng tinh tấn thì thiện căn được tăng trưởng, đem ba mươi bảy phẩm Trợ đạo đối trị các pháp ác bất thiện. Pháp ác bất thiện đó là tham, sân, si.

Tham dục có ba phẩm thượng, trung, hạ; người ở thượng phẩm khi nghe đến dục thì toàn thân rung động, tâm vui mừng rộn ràng, không thấy được lỗi của dục, không sinh lòng nhàm chán, không biết hổ thẹn.

Vì sao gọi là không hổ thẹn? Thường nghĩ đến cảnh dục đã từng trải qua, nhớ mãi không quên, chỉ thấy sự xinh đẹp mà không biết cái lỗi của nó. Nếu Cha mẹ hay bậc Tôn trưởng có quở trách về dục của họ thì trước mặt các Tôn trưởng ấy họ luôn luôn cãi lại, đó gọi là không hổ thẹn; người này sau khi chết sẽ sinh vào đường ác.

Người có tâm dục ở phẩm trung, nếu xa lìa cảnh dục thì không sinh tâm dục.

Người có tâm dục ở phẩm hạ, chỉ cùng nhau cười nói thì tình dục liền tiêu tan.

Sân cũng có ba phẩm. Sân phẩm thượng là nếu tức giận nổi lên thì tâm mê mờ, mắt trợn lên, hoặc tạo năm tội nghịch, hoặc hủy báng chánh pháp; những tội nặng ấy không bằng một phần trăm của tội ngũ nghịch.

Sân phẩm trung là do sân hận mà tạo ra các việc ác, nhưng liền sinh tâm hối cải.

Sân ở phẩm hạ là tâm không ngờ vực, không thù hận, chỉ có miệng quở trách hoặc hủy hoại rồi tùy theo đó sinh lòng hối cải lỗi lầm. Si cũng như vậy. Tuy quán như thế nhưng vẫn biết được tất cả pháp đều như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như thành Càn-thát-bà. Tất cả cái thấy được đều là giả dối, không thật và điên đảo. Cảnh giới bên ngoài nếu diệt thì trong tâm sẽ vắng lặng. Không thấy mình thực hành và pháp để thực hành nên tự tách xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thực hành thông suốt Thiên định ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thực hành Bát-nhã ba-la-mật là dùng trí tuệ chân chánh quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà không thấy sắc sinh ra, không thấy sắc hình hành, không thấy sắc mất. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy. Vì sao? Vì tự tánh đều không, không có chân thật, chỉ là danh tự giả dối mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật là để giáo hóa chúng sinh. Đối với họ hoàn toàn không thể nói không nghiệp, không quả báo. Bởi tất cả các pháp đều như mộng, như huyễn, không có mình không có người, không có chúng sinh, không có tuổi thọ, không có dưỡng dục nên nói có nghiệp, có quả báo.

Đại Bồ-tát tu và thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế, thì các ác ma không thể phá hoại được. Vì sao? Vì được gần gũi các bậc Thiện tri thức giúp đỡ thành tựu Bồ-đề, xa lìa pháp thế gian. Đối với chánh pháp thâm sâu của Như Lai dù là Thiên, Ma, Sa-môn, Bà-la-môn, trừ chánh trí của Phật, không kể hàng Bồ-tát đều phải vui mừng khen ngợi. Không thấy mình thực hành và pháp để thực hành, nên tự tánh xa lìa không hai, không khác, đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thấu rõ Trí tuệ ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thực hành phương tiện thiện xảo sẽ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc ngày đêm sáu thời đem hoa quả cúng dường chư Phật và chúng Bồ-tát. Dùng căn lành này mà hồi hướng Bồ-đề; cây hoa, cây quả cũng như vậy; hoặc nghe trong kinh, Đức Như Lai nói nghĩa lý sâu xa rồi tin tưởng, ưa thích, thọ trì. Rồi vì chúng sinh mà giảng nói, dùng căn lành này hồi hướng Bồ-đề. Hoặc thấy tháp miếu ảnh tượng của Như Lai đem hương hoa cúng dường; hoặc làm cho chúng sinh xa lìa việc phá giới, để được giới hương thanh tịnh của Như Lai; hoặc lau chùi vọng nghiệp làm cho chúng sinh oai nghi đoan chánh; dùng lọng hoa che chở, làm cho chúng sinh đều xa lìa sự nóng bức của phiền não và khi vào trong Tăng-già-lam thì nguyện cho các chúng sinh đều vào Niết-bàn; hoặc ra khỏi già-lam thì nguyện cho các chúng sinh ra khỏi cảnh giới nạ quỷ; mở cửa già-lam phát nguyện như vậy: “Dùng trí tuệ xuất thế mở cánh cửa chưa mở cho chúng sinh; hoặc thấy cửa đóng, nguyện vì các chúng sinh mà đóng cửa ác thú và ba cõi.”

Khi ngồi nghĩ rằng: “Nguyện cho chúng sinh ngồi tòa Bồ-đề”; khi nằm nghiêng bên phải: “Nguyện cho chúng sinh đều đắc quả Niết-bàn”; ngồi dậy thì nghĩ rằng: “Nguyện cho chúng sinh phát khởi sự xa lìa các mê hoặc”; hoặc lúc rửa chân: “Nguyện cho chúng sinh xa lìa các phiền não”; lễ Phật hoặc nhiễu tháp: “Nguyện cho chúng sinh thành bậc thầy của trời người”; hoặc có ngoại đạo tà kiến khó giáo hóa, liền nghĩ rằng: “Ta mà làm thầy người kia ắt không tin được hay là làm vị đồng học hoặc làm đệ tử, tuy ở chung với họ nhưng giới hạnh và tài đa văn hơn hẳn ngoại đạo, nhờ đó mà điều phục được họ và được họ tôn trọng làm thầy; lời nói ra được tin tưởng thọ trì, nên sẽ phá hủy được pháp tà mà nói pháp Niết-bàn cho họ, làm cho người học được chánh pháp, tấn tu phạm hạnh và nhờ thiên định Tam-muội nên được các thần thông.”

Hoặc thấy người đa dục thì hóa làm người nữ rất là xinh đẹp, khiến cho người kia yêu mến không thôi, trong chốc lát hiển bày vô thường làm cho nhan sắc biến đổi sinh lên, rã nát, thối tha, khiến cho người đa dục kia gồm ghét, sinh tâm nhàm chán xa lìa; bấy giờ liền trở lại thân Bồ-tát mà vì họ nói pháp, làm cho họ phát tâm Chánh đẳng Chánh giác, thành tựu được quả vị Vô thượng.

Hoặc thấy người Đại thừa, xa lìa Thiện tri thức, học pháp Nhị thừa không chứng quả Vô thượng, lại vứt bỏ Đại thừa, thì nên quán căn tánh của người đó, mà vì họ nói pháp làm cho thâm nhập vào đạo Vô thượng; người chưa phát tâm làm cho họ phát tâm,

người đã phát tâm dạy cho họ làm tâm được vững chắc.

Hoặc thấy người trì giới, phạm chút ít tội nhỏ mà không biết sám hối, lười biếng thoái lui, lại ưu sầu không tiếp tục tu tập liền nói cho họ pháp sám hối đối trị sẽ làm họ tỉnh tấn trên đường đạo. Đại Bồ-tát ít muốn, biết đủ, chỉ mong được lợi ích của giáo pháp và nên nói pháp cúng dường Như Lai cho chúng sinh. Thành tựu được sáu pháp Ba-la-mật rồi thuyết pháp cúng dường. Đó gọi là Bồ thí ba-la-mật.

Thực hành không trái với lời nói đó gọi là Trì giới ba-la-mật. Hoặc trời, hoặc ma không thể phá hoại não loạn thì gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Tâm tâm liên tục không biết mỗi một đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Chuyên tâm nhất niệm, không duyên vào cảnh giới khác, đó gọi là Thiền định ba-la-mật. Nói pháp cúng dường không thấy ta và pháp của ta đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Không thấy ta thực hành và pháp được thực hành, nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thấu rõ được Phương tiện thiện xảo ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thực hành nguyện ba-la-mật, nghĩa là Bồ-tát phát nguyện không vì sự vui thích xa lìa ba cõi mà cầu đạo Nhị thừa mà phải phát lời thệ nguyện rộng lớn: “Mong tất cả chúng sinh và làm cho chúng sinh đều vào Niết-bàn. Sau đó thân ta mới thành tựu Chánh đẳng Chánh giác. Người chưa phát tâm làm cho họ phát tâm, người đã phát tâm chỉ dạy cho họ tu hành, người đã tu hành trợ giúp cho họ đắc quả Bồ-đề và người đắc quả Bồ-đề liền thỉnh họ chuyển pháp luân, cho đến việc phân chia xá-lợi xây tháp cúng dường.”

Lại phát nguyện: “Nếu thế giới nào có chư Phật thành đạo thì không có Thiên ma, nguyện đem trí tuệ của mình phát tâm vô thượng, không nhờ duyên bên ngoài.” Lại nguyện thân ta thường ở thế gian để làm cho tất cả chúng sinh thành tựu. Nguyện các Bồ-tát mới phát tâm... Nếu nghe Như Lai nói pháp sâu xa thì tâm không khiếp sợ. Phật đạo vô biên, cảnh giới Phật cũng vô biên, đại Bi cũng vô biên, nguyện cho các chúng sinh đều được thấu rõ. Lại nguyện thân ta thường sinh trong cõi uế trước, không sinh ở cõi thanh tịnh. Vì sao? Vì ví như người bệnh thì mới cần thầy thuốc, người không bệnh thì không cần. Không thấy ta là người thực hành và pháp được thực hành, nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thấu rõ Nguyện ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thực hành Lực ba-la-mật. Nghĩa là Bồ-tát hàng phục Thiên ma, đánh tan ngoại đạo vì đầy đủ sức trí tuệ công đức, tu hành, chứng đắc tất cả Phật pháp, vận sức thần thông lấy một sợi tóc nhấc cả cõi Diêm-phù-đề lên và cả bốn thiên hạ, tam thiên đại thiên thế giới cho đến vô lượng trăm ngàn thế giới, ở trong không trung lấy các thứ của báu bố thí cho chúng sinh. Chư Phật thuyết pháp ở vô lượng, vô biên thế giới mười phương Bồ-tát đều lắng nghe và thọ trì không thấy ta là người thực hành và pháp được thực hành, vì tự xa lìa, không hai không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thấu rõ Lực ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thực hành Trí ba-la-mật, nghĩa là Đại Bồ-tát đó quán năm ấm: sinh không thấy thật sinh, diệt cũng chẳng thật diệt mà phải suy nghĩ như vậy: “Năm ấm này là không, không có ta, không có người..., không có chúng sinh, không có thọ mạng, không có nuôi dưỡng. Phàm phu chúng sinh do ảo vọng chấp trước vào ngã. Năm ấm chẳng phải ngã, trong năm ấm cũng không có ngã, ngã chẳng phải năm ấm, trong ngã không có năm ấm. Phàm phu ngu mê, không biết chân thật nên cứ luân hồi mãi trong sinh tử, như vòng lửa quay. Tất cả các pháp tự tánh vốn

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không, nên không có sinh, cũng không có diệt. Chỉ có duyên hợp gọi là sinh, duyên phân tán gọi là diệt. Vì tự tánh chẳng phải không, cho nên không sinh; tự tánh chẳng phải có, cho nên không diệt.”

Đại Bồ-tát đối với tất cả cảnh giới, không có một pháp nào mà không thấu rõ. Bởi thế, tu hành Bát-nhã ba-la-mật nên hàng Nhị thừa, ngoại đạo không thể lấn áp; do dùng trí quán sát, nên từ lúc phát tâm, cho đến khi vào Niết-bàn, thấy đều rõ ràng. Có thể dùng một pháp mà biết tất cả cảnh giới; tất cả cảnh giới cũng tức là một pháp. Vì sao? Vì nhất nhất đều như nhau đều là một; cho nên không thấy ta là người tu và pháp được tu, nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thấu rõ Trí ba-la-mật.

M